

BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 17/2021



SAMSUNG

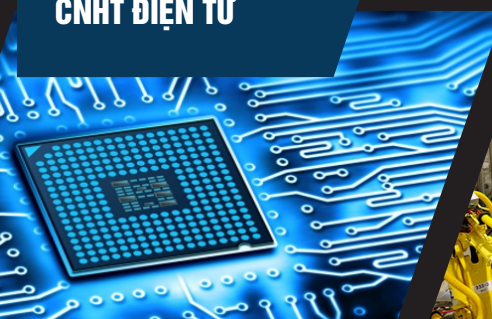
sẽ tăng 3 lần công suất xưởng đúc chip

► tr.25

CNHT DỆT MAY



CNHT ĐIỆN TỬ



CNHT Ô TÔ



BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 17/2021

Mục lục

Tòa soạn:

Tầng 6, Trụ sở Bộ Công Thương
Số 655 Phạm Văn Đồng,
quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Thông tin liên hệ:

Biên tập: (024) 37150530

Marketing: (024) 37150530

Fax: (024) 37150489

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bích Thủy

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Bích Thủy

Giấy phép xuất bản số:

29/GP-XBBT ngày 20/4/2021
Bộ Thông tin và Truyền thông

Kỳ hạn xuất bản:

2 kỳ/tháng

Khổ **19cmx27cm**

Chế bản tại:

Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

THÔNG TIN NỔI BẬT

Trong nước

Thế giới

SẢN XUẤT

Giải pháp hỗ trợ ngành dệt may phục hồi sản xuất bền vững

Nâng cao giá trị gia tăng ngành công nghiệp điện tử Việt Nam

Hợp tác hỗ trợ DN ô tô trong nước trong lĩnh vực CNHT

XUẤT - NHẬP KHẨU

Tháng 10/2021, xuất khẩu các sản phẩm CNHT
ngành dệt may cải thiện

Xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam
phụ thuộc lớn vào DN FDI

Tháng 10/2021, thị trường ô tô Việt Nam sôi động
trên cả 3 mảng nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ

CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

Kéo dài thời gian miễn thuế linh kiện ô tô nhập khẩu
đến hết năm 2027

Khuyến khích đầu tư công nghệ dệt, nhuộm

Hà Nội kích hoạt làn sóng đầu tư vào ngành CNHT

CÔNG NGHỆ - SẢN PHẨM MỚI

Sáng chế loại vải có thể tương tác với chuyển động của người mặc

Công nghệ chuyển đổi các sợi nhỏ xơ vải thành năng lượng

Xu hướng tái chế phụ tùng ô tô trên thế giới

TIN THẾ GIỚI

Bông tái chế có thể giúp ngành may mặc Bangladesh
tiết kiệm 500 triệu USD mỗi năm

Ấn Độ khuyến khích phát triển dệt may kỹ thuật

Samsung sẽ tăng 3 lần công suất xưởng đúc chip

GIAO THƯƠNG

THÔNG TIN THAM KHẢO

Trong nước

- Giải pháp hỗ trợ ngành dệt may phục hồi sản xuất bền vững
- Nâng cao giá trị gia tăng ngành công nghiệp điện tử Việt Nam
- Hợp tác hỗ trợ DN ô tô trong nước trong lĩnh vực CNHT
- Tháng 10/2021, xuất khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may cải thiện
- Xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam phụ thuộc lớn vào DN FDI
- Tháng 10/2021, thị trường ô tô Việt Nam sôi động trên cả 3 mảng nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ
- Kéo dài thời gian miễn thuế linh kiện ô tô nhập khẩu đến hết năm 2027
- Khuyến khích đầu tư công nghệ dệt, nhuộm
- Hà Nội kích hoạt làn sóng đầu tư vào ngành CNHT

Thế giới

- Sáng chế loại vải có thể tương tác với chuyển động của người mặc
- Công nghệ chuyển đổi các sợi nhỏ xơ vải thành năng lượng
- Xu hướng tái chế phụ tùng ô tô trên thế giới
- Bông tái chế có thể giúp ngành may mặc Bangladesh tiết kiệm 500 triệu USD mỗi năm
- Ấn Độ khuyến khích phát triển dệt may kỹ thuật
- Samsung sẽ tăng 3 lần công suất xưởng đúc chip 

Giải pháp hỗ trợ ngành dệt may phục hồi sản xuất bền vững

Đại dịch Covid- 19 trong nước đang dần được kiểm soát, nhiều doanh nghiệp (DN) đã mở cửa sản xuất trở lại. Tuy nhiên, đối với ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, việc khôi phục sản xuất phụ thuộc lớn vào nguồn nhân lực sau giãn cách. Bên cạnh đó, dòng vốn cạn kiệt, điều kiện mở lại sản xuất khó khăn, quy định phòng chống dịch không thống nhất giữa các địa phương khiến DN dệt may chật vật tìm đường khôi phục lại sản xuất.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 10/2021 tăng 1,9% so với tháng 9/2021 và tăng 6,8% so với tháng 10/2020. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 7,8% so với 10 tháng năm 2020.

Đối với sản xuất sợi: Sản lượng sản xuất các mặt hàng sợi 10 tháng năm 2021 đều tăng trưởng nhưng ở mức không cao. Trong đó, sợi tơ (filament) đạt sản lượng cao nhất hơn 1,29 triệu tấn, tăng 2,19% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là sợi xe từ các loại sợi tự nhiên đạt 811,55 nghìn tấn, tăng 9,25%; sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% đạt 170,28 nghìn tấn, tăng 8,75%.

Đối với sản xuất vải: Sản xuất các mặt hàng vải trong tháng 10/2021 tăng khá so với tháng trước song giảm so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2021, sản lượng vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo đạt cao nhất 516,35 triệu m², giảm 8,99% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên đạt 400,3 triệu m², tăng 5,24%; vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp đạt gần 263,14 triệu m², tăng khá (13,67%); vải dệt thoi khác từ sợi bông đạt 88,23 triệu m², tăng 3,82% (Bảng 1).

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 bùng phát, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất, xuất khẩu, giao hàng... ngay cả thiếu hụt nguồn lao động. Nhằm tháo gỡ những khó khăn như hiện nay, hàng loạt các giải pháp được đề xuất:

+ VITAS đề xuất, các địa phương, bộ ngành linh hoạt trong thực hiện các quy định giúp DN thuận lợi khi mở lại sản xuất, trong đó, trao quyền chủ động cho DN chịu trách nhiệm phòng chống dịch và đảm bảo an toàn cho sản xuất là quan trọng nhất; Chính phủ sớm có giải pháp đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine cho người lao động tại các địa phương không phải tâm dịch nhằm tạo lực lượng lao động xanh, cũng đồng thời tạo tâm lý yên tâm cho người lao động quay trở lại làm việc; Chính phủ miễn thuế thu nhập DN năm 2021, hỗ trợ lãi vay để DN có dòng tiền khôi phục sản xuất trong quý IV/2021 và cả năm 2022.

+ VITAS mong muốn các nhãn hàng tiếp tục duy trì việc đặt hàng tại Việt Nam. Cùng phối hợp xây dựng chiến lược phát triển ngành dệt may và đưa ra giải pháp cụ thể, khuyến nghị với Chính phủ Việt Nam những cơ chế chính sách giúp cho ngành có điều kiện phát triển thuận lợi hơn nữa, chủ động nguồn cung để tránh phụ thuộc và hưởng lợi từ các Hiệp định FTA.

+ Về giải pháp phục hồi nguồn nhân lực: Với những lao động đã được tạo điều kiện cho họ về quê, các tỉnh, thành như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và DN cùng đồng hành tạo điều kiện đón người lao động trở lại thành phố và các tỉnh thành làm việc, như sắp xếp khu nhà trọ, tạo điều kiện để họ có phương tiện di chuyển,...

Việc hỗ trợ phương tiện cho người lao động là một trong những giải pháp quan trọng để mời gọi lao động trở lại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành để làm việc.

Trong điều kiện lao động ngày càng khan hiếm, việc tiết kiệm lao động, đầu tư đổi mới công nghệ dựa vào công nghệ 4.0, vào chuyển đổi số là con đường tất yếu cả trước mắt và lâu dài.

+ Theo Vụ Pháp chế (Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội), Chính phủ đã ban hành chính sách hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho DN và người lao động và chính sách hỗ trợ an sinh cho người lao động theo Nghị quyết 68, Quyết

Bảng 1: Sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành dệt may và sản phẩm may mặc tháng 10 và 10 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T10/2021	T10/2021 so với T9/2021 (%)	T10/2021 so với T10/2020 (%)	10 tháng năm 2021	10T/2021 so với 10T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành dệt may						
Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1000 cái	25.904	10,18	-43,74	388.592	-6,56
Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	98.849	-3,16	-16,41	1.294.508	2,19
Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	16.478	-5,41	4,06	170.280	8,75
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	77.466	4,89	-2,24	811.548	9,25
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m2	9.418	4,56	2,93	88.226	3,82
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	39.499	16,30	-15,10	400.316	5,24
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m2	43.014	16,70	-5,90	516.347	-8,99
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	24.593	17,68	-6,58	263.136	13,67
Các sản phẩm may mặc						
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	33.637	11,82	-26,14	394.508	0,43
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	28.510	27,46	-60,25	530.245	-17,50
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	127.632	15,74	-32,36	1.734.540	-6,34
Các loại mền chăn, các loại chăn nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	1000 cái	1.281	12,42	-49,47	16.853	-5,93
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	5.108	6,03	-31,97	68.829	4,23
Màn bằng vải tuyền	1000 cái	5.593	4,89	8,52	65.793	-16,51
Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	18.146	24,21	14,44	146.573	7,33
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	58.772	5,09	27,93	494.810	25,82

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

định 23. Bên cạnh đó, Bộ đang trình Chính phủ để Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép nới lỏng hơn, linh hoạt hơn về việc huy động người lao động làm thêm giờ. Cụ thể,

không áp dụng trần làm thêm giờ không quá 48 giờ/tháng và trần làm thêm giờ theo năm (trước đây áp dụng 300 giờ trong một số lĩnh vực ngành nghề thì giờ áp dụng cho mọi ngành

nghề)... Hiện Bộ Tư pháp đang thẩm định và sẽ trình Chính phủ sớm. Ngoài ra Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cũng đang xây dựng Đề án tổng thể phục hồi thị trường lao động sau đại dịch Covid- 19, trong đó, đánh giá tình hình và đưa ra giải pháp nhằm đảm bảo nguồn cung, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Trên thực tế, hiện nay, không ít DN đã hỗ trợ lương thực, thực phẩm, kinh phí chi tiêu hàng tháng trong đợt giãn cách, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động...; đồng thời rà soát, làm thủ tục kịp thời cho những lao động là đối

tượng được hưởng các gói hỗ trợ của Nhà nước, giúp bảo đảm an sinh.

Cùng với tuyển dụng nguồn nhân công thiếu hụt, nhiều DN cũng tính đến giải pháp nghiên cứu kỹ thuật giúp tăng năng suất, giảm áp lực nhân công; tăng tốc độ dây chuyền sản xuất từ 5 - 35% sản lượng các ngành hàng chủ lực, đáp ứng nhanh việc cung cấp sản phẩm cho thị trường, đặc biệt trong những tháng cao điểm cuối năm. Hy vọng và tin tưởng rằng, ngành dệt may sẽ sớm giải được bài toán thiếu hụt nhân lực để phục hồi sản xuất, tiếp tục đà tăng trưởng trong “trạng thái bình thường mới” ▣

Nâng cao giá trị gia tăng ngành công nghiệp điện tử Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, trong 10 năm (từ năm 2010- 2020), nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao, bình quân cả giai đoạn tăng 28,6%. Đến nay, sản phẩm của ngành công nghiệp điện tử (CNĐT) ngày càng phát triển đa dạng không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước mà còn vươn ra xuất khẩu đến nhiều quốc gia trên thế giới với giá trị ngày càng gia tăng. Hiện, sản phẩm chính của ngành CNĐT có thể kể đến như: Linh kiện điện tử, điện thoại nguyên chiếc, linh kiện điện thoại, ti vi lắp ráp, máy tính bảng, ipad và máy vi tính...

Năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID- 19 nhưng ngành sản xuất điện tử vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khả quan, chứng tỏ tiềm năng phục hồi và phát triển rất lớn. Trong 10 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2020. Riêng trong tháng 10/2021, chỉ số sản xuất của ngành này tăng nhẹ (1,5%) so với tháng 9/2021 và tăng 6,4% so với tháng 10/2020.

Về sản xuất sản phẩm CNHT ngành điện tử trong 10 tháng năm 2021, một số sản phẩm có sản lượng tăng là: Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $\leq 1000V$ tăng 12,78%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 7,15%; bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn

cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự) tăng 6,33%; bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu tăng 6,31%; loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng nhẹ 0,95%. Ngược lại, một số sản phẩm CNHT có sản lượng 10 tháng giảm so cùng kỳ năm trước như: Tai nghe không nối với micro giảm mạnh 54,38%; thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp $\leq 1000 V$ chưa được phân vào đầu giảm 32,95%; cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác giảm 8,64%...

Các nhà sản xuất, các DN trong ngành CNĐT của Việt Nam những năm qua cũng được ghi nhận với nhiều thay đổi, đem lại hiệu quả và nâng giá trị thương hiệu cho ngành CNĐT. Trong ngành CNĐT hiện nay đã xuất hiện những nhà sản xuất là ODM (sản xuất theo đơn đặt hàng) của các DN điện tử lớn. Hay DN có những nghiên cứu để có thể làm ra những sản phẩm điện tử mang thương hiệu Việt Nam, trong đó có thể kể đến như Vinfast. Những thay đổi này đã giúp các DN CNĐT của Việt Nam dần làm chủ, sản xuất được những sản phẩm điện tử có giá trị cao và giá trị sản phẩm CNĐT xuất khẩu tăng cao.

Có thể thấy, sau nhiều năm làm việc và hợp tác cùng các công ty, tập đoàn lớn hàng đầu thế giới đến từ Mỹ, châu Âu, Nhật, Hàn Quốc... đến nay,

Bảng 2: Sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT và thành phẩm của ngành điện tử tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T10/2021	T10/2021 so với T9/2021 (%)	T10/2021 so với T10/2020 (%)	10 tháng 2021	10T/2021 so với 10T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành điện tử						
Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu	Kg	916.275	4,99	-4,67	9.674.988	6,31
Bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Tấn	857	49,23	-30,30	8.873	-6,39
Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự)	Tấn	151	2,28	12,81	1.392	6,33
Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	7.722	6,80	-44,99	104.958	-8,64
Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng	Tấn	25.621	7,10	-3,38	272.002	7,15
Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V	Tấn	14.464	8,07	-17,83	161.603	12,78
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	17.495.967	0,33	-19,28	195.169.661	0,95
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	945.607	0,06	10,54	7.770.195	-3,74
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Chiếc	30.782.294	21,59	-15,43	244.771.918	-4,39
Tai nghe không nối với micro	Cái	2.119.000	12,03	-66,11	24.452.605	-54,38
Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đầu	Cái	873.269	-3,06	-39,47	8.366.479	-32,95
Các sản phẩm điện tử						
Màn hình khác (trừ loại sử dụng với máy xử lý dữ liệu tự động)	Cái	1.452.858	3,60	14,33	14.495.631	43,96
Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng	Chiếc	107.156	68,56	-12,16	1.061.450	2,85
Máy thu hình (Tivi,...)	Cái	455.654	21,95	-74,21	8.858.958	-40,80
Máy tính bảng có giá dưới 3 triệu	Cái	5.500	9,56	-98,97	1.521.191	-85,44
Máy tính bảng có giá từ 3 đến dưới 6 triệu	Cái	570.000	0,96	-17,26	5.229.958	29,72
Máy tính bảng có giá từ 6 - dưới 10 triệu	Cái	160.000	2,81	-42,16	1.453.754	-15,31

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

các DN CNĐT của Việt Nam đã có kinh nghiệm và hoàn toàn có đủ khả năng, tiềm năng để tham gia vào chuỗi cung ứng của các công ty, tập đoàn lớn trên thế giới. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam luôn khuyến khích và hỗ trợ các

công ty nước ngoài đầu tư và hợp tác với các DN Việt Nam trong lĩnh vực CNĐT. Hiện, nhiều hãng điện tử lớn trên thế giới đã đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất sản phẩm điện tử công nghệ cao ở Việt Nam như: Samsung, LG, Foxconn.

Canon, Intel... với tổng số vốn đầu tư lên tới hàng tỷ USD. Trong năm 2021, Việt Nam đã cấp chứng nhận đầu tư mới và điều chỉnh vốn cho nhiều dự án có quy mô vốn đầu tư lớn. Điển hình như dự án LG Display Hải Phòng (Hàn Quốc) điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 750 triệu USD; dự án Nhà máy Fukang Technology (Singapore) với vốn đầu tư đăng ký 293 triệu USD để thực hiện việc sản xuất, gia công máy tính bảng và máy tính xách tay tại Bắc Giang. Sự xuất hiện của các hãng điện tử công nghệ lớn trên thế giới cùng với những dự án đầu tư gia tăng đang tạo điều kiện thuận lợi cho ngành CNĐT của Việt Nam tiếp tục phát triển trong thời gian tới, các DN CNĐT có cơ hội được tiếp nhận những công nghệ hiện đại, tiên tiến từ các hãng điện tử lớn khi đầu tư vào Việt Nam, qua đó góp phần giúp các DN CNĐT của Việt Nam từng bước nâng cao năng lực sản xuất, chuyển đổi từ sản xuất lắp ráp đơn thuần sang sản xuất chế tạo và lắp ráp có giá trị gia tăng cao hơn.

Mặc dù đạt được một số thành tựu và được đánh giá là ngành công nghiệp mũi nhọn song ngành CNĐT Việt Nam vẫn còn những hạn chế như: Chất lượng, mẫu mã sản phẩm của các DN nội địa trong ngành chưa đáp ứng được yêu cầu cao của thị trường; các DN điện tử nội địa có tiếng trước đây đang phát triển chậm lại hoặc mất dần thương hiệu và chiếm thị phần nhỏ; DN trong chuỗi giá trị ngành điện tử chủ yếu cung cấp các sản phẩm đơn giản có giá trị, hàm lượng công nghệ thấp; giá trị xuất khẩu sản phẩm điện tử phần lớn vẫn thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tỉ lệ nội địa hóa ngành CNĐT rất thấp, chỉ khoảng 5- 10%; mối liên kết giữa các DN cung ứng trong nước với các DN FDI và các tập đoàn đa quốc gia còn mờ nhạt; ngành CNĐT vẫn thiếu sản phẩm chủ lực mang tính chiến lược để dẫn dắt thị trường.

Theo nhận định của các chuyên gia, khi dịch Covid -19 được kiểm soát sẽ tạo ra sự dịch chuyển sản xuất cơ học của các DN FDI. Đây sẽ là cơ hội để DN Việt Nam trở thành vệ tinh, cung cấp linh kiện, phụ kiện cho các DN FDI. Để giúp các DN CNĐT của Việt Nam nắm bắt được cơ hội, tiếp tục đẩy mạnh năng lực sản xuất, Bộ Công Thương đã và đang triển khai

nhiều chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong đó có thể kể đến như: phối hợp với Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc xây dựng Trung tâm Tư vấn và Giải pháp công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VITASK); phối hợp Hiệp hội DN cơ khí Hàn Quốc (KOAMI) thành lập Trung tâm công nghệ máy móc Việt Nam - Hàn Quốc (VKMTC) tại TP. Hồ Chí Minh; liên kết với Bộ Năng lượng, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) để lên kế hoạch triển khai hoạt động hợp tác thuộc lĩnh vực công nghiệp điện tử trong những năm tới.

Các DN CNĐT cũng ý thức được vai trò của ngành thời gian qua đã có nhiều hoạt động tích cực, nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh để có thể tham gia chuỗi cung ứng của các DN đầu chuỗi đang hoạt động tại Việt Nam. Cụ thể, số lượng nhà cung ứng nội địa cho Samsung đã tăng từ 4 nhà cung ứng cấp 1 trong năm 2014 lên 20 nhà cung ứng cấp 1 và 191 nhà cung ứng cấp 2 trong năm 2020. Panasonic Việt Nam có 4 DN Việt Nam cung ứng sản phẩm và giá trị cung ứng chiếm khoảng 10% giá trị linh kiện đầu vào sản xuất của Panasonic.

Dự báo, Việt Nam sẽ tăng tỷ trọng xuất khẩu điện tử máy tính toàn cầu lên gần 4% vào năm 2025. Việt Nam có thể tận dụng tối đa sự bùng nổ trên toàn cầu về nhu cầu máy tính, thiết bị điện tử khi dịch bệnh Covid- 19 bùng phát. Chỉ số sản xuất máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng trên 10%. Nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cao trong quý 4 năm 2021 do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng phục vụ thông tin liên lạc cũng như phương tiện làm việc trong điều kiện giãn cách xã hội vì ảnh hưởng của dịch Covid- 19.

Theo Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, nhóm ngành điện tử và viễn thông xác định lựa chọn ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại và linh kiện. Sau năm 2025, chọn ưu tiên phát triển phần mềm, nội dung số, dịch vụ công nghệ thông tin và điện tử y tế. Để phát triển và nâng cao giá trị gia tăng ngành CNĐT Việt Nam trong thời gian tới, cần tập trung vào các giải pháp sau:

Về phía cơ quan quản lý Nhà nước

Cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật, đặc biệt là quy định cụ thể về hàng hóa xuất xứ Việt Nam; thực hiện các giải pháp mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đẩy nhanh ứng dụng công nghệ cao, ngành CNĐT trên cơ sở liên kết giữa Nhà nước- DN- cơ sở đào tạo, khuyến khích thông qua hình thức hợp tác công- tư.

Chú trọng hơn trong xác định các sản phẩm cốt lõi, có sức đột phá để thúc đẩy ngành CNĐT phát triển nhanh và hiệu quả hơn.

Tập trung hỗ trợ một số DN triển vọng của Việt Nam trong lĩnh vực điện tử nhằm tạo cơ hội cho các DN này phát triển, đóng vai trò dẫn dắt thị trường điện tử trong nước, đặc biệt là các sản phẩm điện - điện tử gia dụng.

Xây dựng các biện pháp bảo vệ thị trường điện - điện tử tiêu dùng như: Thuế phòng vệ, hàng rào kỹ thuật, chống gian lận thương mại, hàng giả và hàng nhập lậu...

Về phía DN

Cần tham gia nhiều hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu trên cơ sở xây dựng những DN mạnh, có thể thiết lập được hệ sinh thái CNHT và đủ sức bắt tay với tập đoàn công nghệ quốc tế lớn.

Mỗi DN cần xác định rõ những phân khúc sản phẩm và khách hàng phù hợp với điều kiện của DN, trong đó có tính đến khả năng đón đầu xu hướng tiêu dùng và phát triển công nghệ chung của thế giới trong thời đại hiện nay. Từ đó, giúp DN tập trung nguồn lực để phát triển sản phẩm có năng lực cạnh tranh tốt.

Đẩy mạnh liên kết với các DN FDI qua đó giúp các DN CNĐT nâng cao được năng lực, ngày càng đáp ứng yêu cầu tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn lớn có thương hiệu quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam và tiến tới tham gia chuỗi giá trị ngành điện tử toàn cầu.

Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất ngành điện tử, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất CNHT ngành điện tử 

Hợp tác hỗ trợ DN ô tô trong nước trong lĩnh vực CNHT

Thống kê của Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) cho thấy, Việt Nam hiện có gần 2.000 DN sản xuất phụ tùng, linh kiện, trong đó chỉ có khoảng 300 DN tham gia mạng lưới sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia, tỷ lệ nội địa hóa các ngành công nghiệp ô tô, điện tử còn ở mức thấp.

Dù đã đạt được một số kết quả nhất định trong quá trình phát triển, CNHT cho ngành ô tô vẫn còn nhiều hạn chế, đơn cử như: Tỷ lệ nội địa hóa đối với một số dòng xe còn thấp, DN CNHT cho ngành ô tô phát triển chậm cả về số lượng và chất lượng so với nhiều quốc gia trong khu vực, phụ tùng linh kiện ô tô hiện đang sản xuất tại Việt Nam chủ yếu là các phụ tùng thâm dụng lao động, công nghệ đơn giản, giá trị gia tăng thấp. Một trong những nguyên nhân chính của các hạn chế nêu trên là do yêu cầu của các DN lắp ráp, đặc biệt là các DN định hướng xuất khẩu và DN FDI vượt quá khả năng đáp ứng của

DN CNHT cho ngành ô tô trong nước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất xe có động cơ trong tháng 10/2021 tăng 2,6% so với tháng 9/2021 song giảm 18,6% so với tháng 10/2020. Tính chung 10 tháng năm 2021, chỉ số sản xuất của ngành này tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, sản xuất một số sản phẩm CNHT ngành ô tô tăng trưởng khá so cùng kỳ năm 2020 như: Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải tăng 17,85%; thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt tăng 8,18%... Ngược lại, một số sản phẩm có sản lượng giảm là: Phụ tùng khác của xe có động cơ đạt giảm 7,31%; bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ giảm nhẹ 1,61%..

Xuất phát từ những vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ, giải quyết cho ngành CNHT nói trên,

Cục Công nghiệp đã cùng Công ty Ô tô Toyota Việt Nam nỗ lực triển khai các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển năng lực, đưa DN CNHT Việt Nam đến gần hơn với chuỗi cung ứng ô tô trong nước. Một trong những hoạt động được đánh giá là tiêu biểu và mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho DN là hoạt động tổ chức đoàn tham quan nhà máy nhà cung cấp thuộc hệ thống các nhà cung ứng của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam. Chương trình có sự tham gia của hơn 20 DN CNHT Việt Nam, với mong muốn có cơ hội quan sát và lắng nghe những chia sẻ kinh nghiệm trực tiếp từ những DN đã thành công tham gia vào chuỗi cung ứng của Toyota.

Theo Công ty Ô tô Toyota Việt Nam, dự án Hợp tác hỗ trợ DN trong nước trong lĩnh vực CNHT bao gồm 4 hoạt động chính: Sàng lọc các DN

sản xuất và lập danh sách nhà cung cấp tiềm năng về phụ tùng, linh kiện ô tô để kết nối với các nhà sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam; tổ chức các chuyến thăm thực tế tại nhà máy Toyota Việt Nam và nhà cung cấp nội địa của Toyota; tìm kiếm, hỗ trợ nhà cung cấp tiềm năng cấp 2 và cấp 3 và giới thiệu đến nhà cung cấp cấp 1 từ những dữ liệu của hoạt động sàng lọc; hỗ trợ tham gia đào tạo theo một số Chương trình phát triển nhà cung cấp Việt Nam. Trước đó, Toyota Việt Nam đã tham gia hỗ trợ đào tạo các DN CNHT khu vực miền Bắc và miền Trung theo Chương trình phát triển Nhà cung cấp Việt Nam trong lĩnh vực, ô tô, điện tử, cơ khí được tổ chức tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển công nghiệp - Cục Công nghiệp vào tháng 7 và tháng 10 năm 2021 ▣

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm CNHT của ngành ô tô và ô tô tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T10/2021	T10/2021 so với T9/2021 (%)	T10/2021 so với T10/2020 (%)	10 tháng 2021	10T/2021 so với 10T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành ô tô						
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	-	-100,00	-100,00	88.314.240	-1,61
Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	7.716	4,17	15,23	60.903	17,85
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	-	-100,00	-100,00	840.826	-7,31
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	-	-100,00	-100,00	33.344.220	8,18
Các sản phẩm khác						
Xe có động cơ chở được từ 10 người trở lên chưa được phân vào đâu	Chiếc	937	-14,19	4,23	11.411	60,06
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Chiếc	8.338	-10,20	-37,64	105.870	9,40
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và < 18 tấn	Chiếc	2.745	65,46	-54,75	42.123	9,23
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và < 20 tấn	Chiếc	-	-100,00	-100,00	13.703	1,57
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	3.074	6,66	6,85	31.969	27,81

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Tháng 10/2021, xuất khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may cải thiện

Sau khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng và tỷ lệ tiêm phủ vắc xin tăng cao, hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất, nhập khẩu của các DN ngành dệt may Việt Nam đã cải thiện. Đáng chú ý, tiến độ xuất khẩu nhóm hàng may mặc tăng nhanh, hỗ trợ tích cực vào đà tăng trưởng xuất khẩu chung của toàn ngành.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2021, xuất khẩu hàng dệt và may mặc của Việt Nam đạt 3,33 tỷ USD, tăng 13,48% so với tháng 9/2021 và tăng 5,55% so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế 10 tháng năm 2021, xuất khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 32,89 tỷ USD, tăng 11,87% so với 10 tháng năm 2020 và chỉ còn giảm 0,06% so với 10 tháng năm 2019.

Dự báo, xuất khẩu hàng dệt và may mặc của Việt Nam tiếp tục cải thiện trong thời gian tới, nhờ hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN khôi phục; nhu cầu nhập khẩu của các thị trường tiêu thụ lớn tăng và Việt Nam tiếp tục là điểm đến tìm nguồn cung ứng của các nhà đầu tư, dù trong những tháng vừa qua, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều DN bị ảnh hưởng bởi dịch Covid- 19.

Ngành dệt may tiếp tục được các nhà nhập khẩu đánh giá cao trong chuỗi cung ứng. Với lợi thế

từ 14 Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia đang có hiệu lực, DN trong nước không lo thiếu đơn hàng. Vấn đề còn lại của DN là tổ chức sản xuất tốt, khắc phục tình trạng thiếu lao động, đảm bảo nguyên liệu đầu vào đáp ứng đòi hỏi của các nhãn hàng.

Thêm vào đó, theo IHS Markit (Công ty nghiên cứu thị trường có trụ sở tại Anh), chỉ số Nhà quản trị mua (PMI) tháng 10/2021 của Việt Nam đã tăng trở lại trên ngưỡng trung tính khi đạt 52,1 điểm, sau khi chỉ đạt 40,2 điểm trong tháng 9/2021. Điều này cho thấy, các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã được cải thiện. Việc nới lỏng các quy định phòng, chống dịch Covid- 19 đã giúp một số DN tái khởi động sản xuất trong tháng 10, nhiều DN cũng đồng thời tăng sản lượng để đáp ứng số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh.

Nhập khẩu hàng may mặc của thị trường Hoa Kỳ tiếp tục tăng nhanh và là cơ hội cho Việt Nam tăng xuất khẩu vào thị trường tiêu thụ rộng lớn này. Trong 9 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu mặt hàng này của Hoa Kỳ đạt 58,5 tỷ USD, tương đương 21,5 tỷ m2 quy đổi; tăng 29,08% về lượng và tăng 24,57% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Hiện Việt Nam là nhà cung cấp hàng may mặc lớn thứ 2 vào thị trường Hoa Kỳ,

Bảng 4: Xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may tháng 10 và 10 tháng năm 2021

Nhóm hàng	Tháng 10 năm 2021			10 tháng năm 2021		
	Trị giá (Triệu USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 10T/2020 (%)	So với 10T/2019 (%)
Hàng may mặc	2.644	16,09	3,16	26.091	5,47	-4,39
Xơ sợi dệt các loại	468	3,25	23,12	4.565	55,03	32,23
Nguyên phụ liệu dệt may da giày	147	9,00	-12,38	1.589	16,77	-4,86
Vải kỹ thuật	73	3,59	58,36	649	80,40	29,13
Tổng	3.332	13,48	5,55	32.895	11,87	-0,06

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

với thị phần chiếm 15,6% về lượng và 18,5% về trị giá; mở rộng so với 14,26% về lượng và 16,18% về trị giá của năm 2019- thời điểm chưa bị ảnh hưởng bởi dịch Covid- 19.

Như vậy, với những thuận lợi nêu trên, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam có thể đạt 3,3 tỷ USD/tháng trong 2 tháng còn lại, ngành dệt may sẽ có thêm 6,6 tỷ USD và đạt 39,4 tỷ USD trong năm 2021, tăng 10,67% so với năm 2020 và giảm 0,5% so với năm 2019.

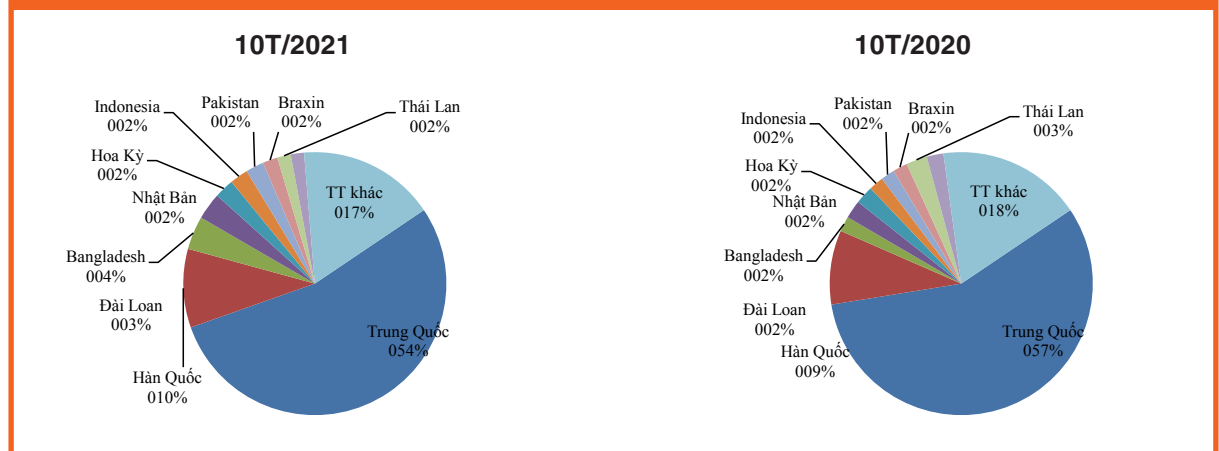
Xuất khẩu xơ sợi dệt các loại

Xuất khẩu xơ, sợi các loại của Việt Nam tháng

10/2021 đạt 468,13 triệu USD, tăng 3,25% so với tháng 9/2021 và tăng 23,12% so với tháng 10/2020. Tính chung 10 tháng đầu năm 2021 xuất khẩu mặt hàng này đạt 4,56 tỷ USD, tăng 55,03% so với 10 tháng đầu năm 2020.

Các thị trường xuất khẩu xơ, sợi chính của Việt Nam là Trung Quốc, Hàn Quốc, Bangladesh, Hoa Kỳ... Trong đó, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu xơ sợi các loại của Việt Nam sang các thị trường Đài Loan, Bangladesh, Hoa Kỳ, Pakistan, Indonesia... tăng khá và giảm tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Thái Lan, Hồng Kông...

Biểu đồ 1: Thị trường xuất khẩu xơ sợi (ĐVT: %, tính theo kim ngạch xuất khẩu)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Thị trường xuất khẩu xơ, sợi chủ yếu của Việt Nam tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2021

Thị trường chủ yếu	Tháng 10 năm 2021			10 tháng đầu năm 2021		Tỷ trọng XK (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 10T/2020 (%)	10T/2021	10T/2020
Tổng	468.139	3,25	23,12	4.564.854	55,03	100,00	100,00
Trung Quốc	245.041	6,85	11,37	2.466.774	47,26	54,04	56,89
Hàn Quốc	50.577	7,11	98,63	441.405	64,37	9,67	9,12
Bangladesh	24.996	3,48	217,50	187.330	241,64	4,10	1,86
Đài Loan	18.052	7,17	78,09	150.943	129,04	3,31	2,24
Hoa Kỳ	10.768	-5,62	19,36	109.689	67,19	2,40	2,23
Indonesia	12.223	-2,09	112,47	103.140	94,38	2,26	1,80
Pakistan	10.057	-0,48	5,84	101.258	102,23	2,22	1,70
Braxin	8.125	-22,66	8,85	84.159	58,79	1,84	1,80
Thái Lan	6.933	-1,14	-32,12	76.065	0,13	1,67	2,58

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật

Kim ngạch xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật trong tháng 10/2021 đạt 73,08 triệu USD, tăng 3,59% so với tháng 9/2021 và tăng mạnh (58,38%) so với tháng 10/2020. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mặt hàng này đạt 649,35 triệu USD, tăng 80,40% so với cùng kỳ năm 2020.

10 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu vải màn kỹ thuật của Việt Nam sang các thị trường Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản... đều tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2020.

Bảng 6: Thị trường xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật tháng 10 và 10 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 10 năm 2021			10 tháng năm 2021		Tỷ trọng XK (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 10T/2020 (%)	10T/2021	10T/2020
Tổng	73.089	3,59	58,36	649.354	80,40	100,00	100,00
Hoa Kỳ	26.905	3,11	215,61	210.332	193,22	32,39	19,93
Hàn Quốc	5.621	-21,18	-38,94	69.537	11,10	10,71	17,39
Thái Lan	2.485	-6,77	-12,05	42.900	26,39	6,61	9,43
Nhật Bản	4.062	10,07	61,18	38.500	86,40	5,93	5,74
Indonesia	3.222	-10,12	42,30	25.906	36,73	3,99	5,26
Luxembua	2.631	23,21	38,89	25.772	95,60	3,97	3,66

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt may

Tháng 10/2021, kim ngạch xuất khẩu nguyên phụ liệu (NPL) dệt may đạt trên 146,86 triệu USD, tăng 9% so với tháng 9/2021 nhưng giảm 12,38% so với tháng 10/2020. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mặt hàng này đạt 1,58 tỷ USD, tăng 16,77% so với cùng kỳ năm 2020.

10 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NPL dệt may của Việt nam sang các thị trường Campuchia, Indonesia, Hồng Kông, Hoa Kỳ... tăng mạnh. Trong khi xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Thái Lan, Myanmar, Australia, Anh... giảm.

Bảng 7: Thị trường xuất khẩu NPL dệt may của Việt Nam tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 10 năm 2021			10 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 10T/2020 (%)	10T/2021	10T/2020
Tổng	146.862	9,00	-12,38	1.589.269	16,77	100,00	100,00
Campuchia	21.572	15,14	-12,56	237.741	26,32	14,96	13,83
Indonesia	24.214	2,48	5,76	224.831	31,36	14,15	12,58
Trung Quốc	16.073	3,05	-32,12	163.036	-3,10	10,26	12,36
Hồng Kông	6.934	-32,98	-30,81	119.621	27,52	7,53	6,89
Nhật Bản	10.461	9,50	-17,80	116.874	-4,78	7,35	9,02
Hoa Kỳ	8.413	12,73	-40,10	114.432	24,38	7,20	6,76

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam phụ thuộc lớn vào DN FDI

Việt Nam đang là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong ngành công nghiệp điện tử, với hơn 10 tỷ USD vốn đầu tư. Đặc biệt, nhiều hãng điện tử hàng đầu thế giới đã đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất sản phẩm điện tử công nghệ cao phục vụ xuất khẩu ở Việt Nam như: Samsung, LG, Panasonic, Foxconn...

Đây chính là cơ hội để các DN trong nước liên kết sản xuất, cung cấp linh kiện, lắp ráp và tham gia từng công đoạn cho các tập đoàn đã có thương hiệu, qua đó xây dựng và phát triển ngành CNHT cho ngành điện tử Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế nhiều năm qua, ngành CNHT điện tử Việt Nam vẫn trong tình trạng kém phát triển.

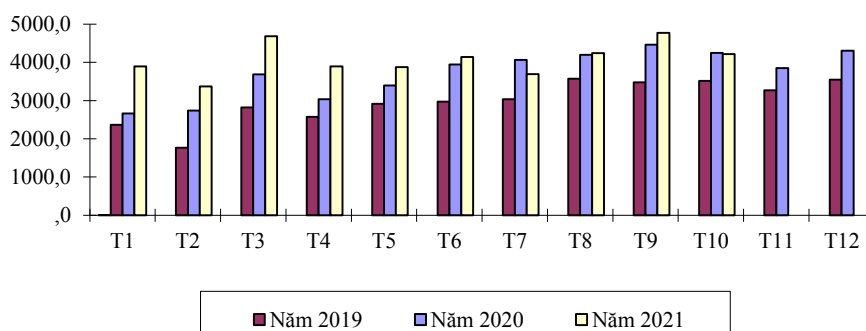
Số lượng các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam hiện còn rất nhỏ. Cung ứng

sản phẩm CNHT cho ngành điện tử cấp 1 và cấp 2 vẫn chủ yếu là DN FDI và những DN này chủ yếu dựa vào linh kiện nhập khẩu. 98% kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử là của DN FDI và 92% trị giá nhập khẩu mặt hàng này cũng là đến từ DN FDI.

Xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử trong tháng 10/2021 ước đạt trên 4,21 tỷ USD, giảm 11,66% so với tháng trước và giảm 0,71% so tháng 10/2020. Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt 40,85 tỷ USD, tăng 12,18% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm trên 15,14% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử giai đoạn 2019- 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 8: Xuất khẩu máy vi tính và linh kiện điện tử của Việt Nam sang một số thị trường tháng 10 và 10 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So tháng 9/2021 (%)	So tháng 10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So 10T/2020 (%)	Tỷ trọng KN 10T/2021 (%)
Tổng KN	4.216,04	-11,66	-0,71	40.854,31	12,18	100,00
DNFDI	4.144,04	-11,99	0,98	40.085,83	14,03	98,12
Hoa Kỳ	1.150,06	-5,48	5,02	10.457,22	23,76	25,60

Thị trường	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So tháng 9/2021 (%)	So tháng 10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So 10T/2020 (%)	Tỷ trọng KN 10T/2021 (%)
Trung Quốc	819,42	-33,27	-9,50	8.686,82	-6,11	21,26
Hồng Kông	470,47	-24,35	2,76	4.905,11	56,56	12,01
EU	540,66	9,25	-13,93	4.806,12	3,19	11,76
Hàn Quốc	249,76	10,77	1,27	2.805,98	20,22	6,87
Asean	271,00	18,55	40,74	2.329,46	55,14	5,70
Mexico	91,55	-29,86	-18,65	1.160,81	14,93	2,84
Đài Loan	51,51	-45,37	-32,66	790,65	-39,54	1,94
Nhật Bản	89,74	11,52	5,22	779,89	-2,74	1,91

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 9: Một số chủng loại linh kiện máy tính xuất khẩu trong tháng 10/2021

Chủng loại	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So với 10T/2020 (%)
Bộ vi xử lý	1.471,39	72,14	17,25	10.281,62	7,83
Màn hình các loại và linh kiện	577,91	-8,08	-15,81	5.595,61	9,73
Bộ nhớ	714,14	7,43	105,01	4.392,52	125,89
Điốt - thiết bị bán dẫn	463,61	-10,91	27,27	3.617,07	-10,81
Máy tính xách tay, máy tính bảng	315,15	-21,27	-43,39	2.996,22	11,43
Vi mạch tích hợp	55,95	-10,50	-4,67	2.386,49	191,65
Máy in, máy photocopy và LK	258,45	3,97	-8,92	1.866,65	-14,18
Tivi	216,02	25,04	19,07	1.756,22	19,86
Thiết bị âm thanh	198,84	-5,45	-24,78	1.621,13	-26,76
Mạch các loại	126,39	0,53	28,60	1.399,33	28,96

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu

Tháng 10/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của cả nước ước đạt trên 6,47 tỷ USD, giảm 6,33% so với tháng trước nhưng lại tăng

17,69% so với tháng 10/2020. Tính đến hết 10 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 60,34 tỷ USD, tăng 17,69% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 22,38% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước.

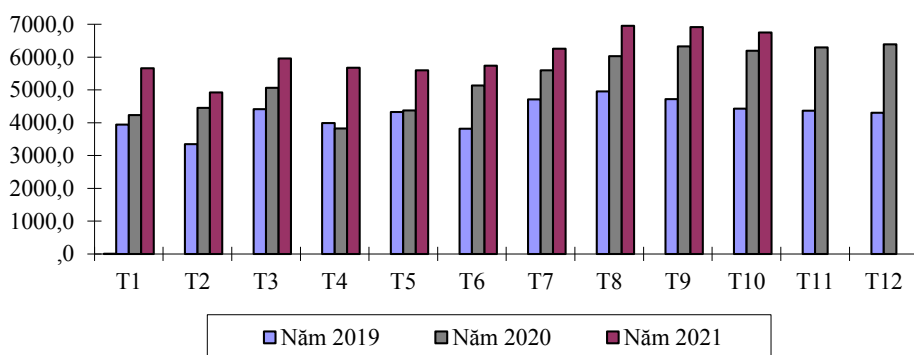
Bảng 10: Nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam từ một số thị trường tháng 10 và 10 tháng năm 2021

Thị trường	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So tháng 9/2021 (%)	So tháng 10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So 10T/2020 (%)	Tỷ trọng 10T/2021 (%)
Tổng	6.479,57	-6,33	17,69	60.348,03	17,69	100,00
DN FDI	5.740,12	-9,29	7,86	55.749,09	20,59	92,38
Trung Quốc	1.938,92	0,10	-3,50	17.428,99	23,68	28,88
Hàn Quốc	1.735,71	-14,31	15,15	16.238,39	15,16	26,91

Thị trường	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So tháng 9/2021 (%)	So tháng 10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So 10T/2020 (%)	Tỷ trọng 10T/2021 (%)
Đài Loan	824,28	-14,95	12,02	7.844,68	25,80	13,00
Nhật Bản	516,87	-12,80	-5,79	4.634,81	4,11	7,68
ASEAN	459,09	-3,24	6,73	4.365,68	17,31	7,23
Hoa Kỳ	407,34	-9,42	6,37	4.079,52	4,87	6,76
EU	345,58	19,22	-8,05	3.666,43	13,36	6,08
Israel	101,64	152,56	19,44	706,81	17,96	1,17
Hồng Kông	34,47	-29,60	23,08	295,09	64,95	0,49
Mexico	23,22	26,91	25,08	187,15	-9,40	0,31

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 3: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử giai đoạn 2019 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 11: Một số mặt hàng linh kiện và phụ tùng điện tử nhập khẩu của Việt Nam tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So với 10T/2020 (%)
Vi mạch tích hợp	2.293,58	9,43	11,45	15.186,17	-2,30
Bộ vi xử lý	1.576,01	-9,78	21,42	13.245,76	26,33
Màn hình các loại và linh kiện	554,54	-11,56	17,60	5.704,21	62,99
Bộ nhớ	559,15	-10,68	27,22	5.008,18	87,83
Mạch các loại	545,26	1,75	31,03	3.930,64	29,01
Điốt - thiết bị bán dẫn	395,60	-4,47	-43,94	3.191,61	-15,13
Máy in, máy photocopy và LK	56,50	20,78	-10,82	1.553,07	77,71
Bộ mạch	180,97	3,74	39,92	1.232,17	51,53
Tụ các loại	121,38	-0,22	-1,38	1.037,66	12,61
Máy tính xách tay, máy tính bảng	145,64	38,44	225,55	710,32	111,52

Chủng loại	Tháng 10/2021 (Triệu USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	10T/2021 (Triệu USD)	So với 10T/2020 (%)
Chíp khuếch đại	92,96	16,87	-9,27	650,64	61,71
Thiết bị âm thanh	71,35	-5,46	-30,24	611,76	-30,50
Chuột máy tính	37,20	-41,16	53,44	344,76	5,84
Máy tính để bàn	52,62	34,30	114,71	344,43	76,21
Tivi	20,72	-47,33	-41,30	312,09	40,90

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2021, thị trường ô tô Việt Nam sôi động trên cả 3 mảng nhập khẩu, sản xuất và tiêu thụ

Với việc kiểm soát tốt dịch Covid- 19 và các hoạt động đã trở lại trạng thái bình thường mới ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước, tình hình kinh tế tiếp tục được cải thiện, đặc biệt là mùa mua sắm cao điểm trong năm đang cận kề, thị trường ô tô Việt Nam cuối năm 2021 tiếp tục sôi động và tăng trưởng ở mức cao.

Đặc biệt, các dòng xe du lịch tiếp tục được người dùng quan tâm hơn do phương tiện giao thông công cộng chưa đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, trong khi phương tiện cá nhân được đánh giá là thuận tiện cho nhu cầu di chuyển và phòng tránh dịch bệnh.

Cùng với đó, trong giai đoạn này các DN đang thực hiện nhiều chính sách ưu đãi cho khách hàng sẽ kích thích nhu cầu mua sắm xe sau nhiều tháng “đóng băng” vì đại dịch.

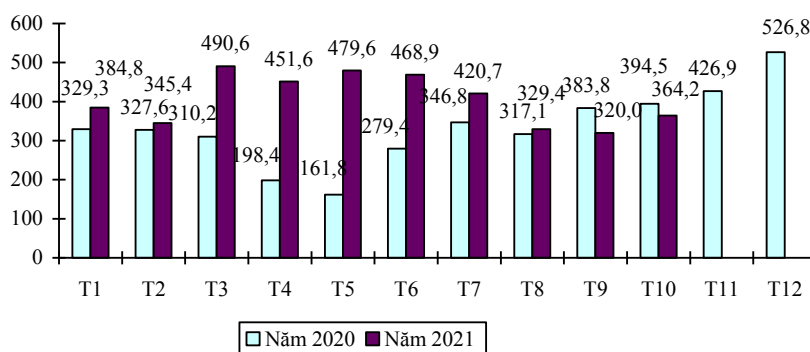
Nhập khẩu linh kiện tăng cao

Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 10 năm 2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam đạt 364,16 triệu USD, tăng 13,81% so với tháng trước và giảm 8,40% so với tháng 10 năm 2020. Tính chung 10 tháng năm 2021, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của cả nước đạt 4,07 tỷ USD, tăng 33,55% so với 10 tháng năm 2020.

Về thị trường nhập khẩu

Trong tháng 10 năm 2021, Việt Nam nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô chủ yếu từ các thị trường khối ASEAN, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản,.. trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hàn Quốc đạt 123,20 triệu USD, tăng 40,58% so với tháng 9 năm 2021 và tăng 10,91% so với tháng 10 năm 2020.

Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô các tháng năm 2020 và năm 2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Thị trường lớn thứ hai cung cấp linh kiện phụ tùng ô tô cho Việt Nam đó là Trung Quốc, đạt 64,62 triệu USD, tăng 11,65% so với tháng 9 năm 2021 và tăng 14,01% so với tháng 10 năm 2020.

Xếp thứ ba là thị trường ASEAN đạt 51,90 triệu USD, giảm 6,44% so với tháng 9 năm 2021 và giảm 52,77% so với tháng 10 năm 2020.

Linh kiện phụ tùng ô tô nhập khẩu từ thị trường EU đạt 17,22 triệu USD, giảm 26,22% so với tháng 9 năm 2021 và tăng mạnh 175,16% so với tháng 10 năm 2020.

Nhìn chung, trong 10 tháng năm 2021 nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô các loại từ hầu hết các thị trường đều tăng trưởng ở mức cao so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, nhập khẩu từ thị trường Ấn Độ, Hoa Kỳ và Belarus tăng cao, đột biến.

Bảng 12: Nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam từ một số thị trường 10 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 10 năm 2021			10 tháng năm 2021		Tỷ trọng nhập khẩu (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T9/2021 (%)	So với T10/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với T10/2020 (%)	T10/2021	T10/2020
Tổng	364.164	13,81	-8,4	4.074.850	33,55	100	100,00
DNFDI	143.955	-5,8	-25,41	1.863.269	34,41	45,73	45,43
Hàn Quốc	123.200	40,58	10,91	1.078.766	32,82	26,47	26,62
Trung Quốc	64.624	11,65	14,01	747.052	49,96	18,33	16,33
ASEAN	51.902	-6,44	-52,77	927.530	24,85	22,76	24,35
Nhật Bản	48.524	44,24	-32	606.241	9,21	14,88	18,19
Ấn Độ	22.858	-5,42	11,83	231.951	67,41	5,69	4,54
EU	17.225	-26,22	175,16	166.594	83,78	4,09	2,97
Hoa Kỳ	3.694	-5,64	141,71	32.492	131,61	0,8	0,46
Nga	1.558		225,11	3.218	3,05	0,08	0,10
Thổ Nhĩ Kỳ	1.042	23,84	1.284,04	6.239	25,75	0,15	0,16

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Về sản xuất

Trong tháng 10 năm 2021, Việt Nam sản xuất, lắp ráp ước đạt 15.982 chiếc ô tô, giảm 6,4% so với tháng 9 năm 2021 và giảm 28,7% so với tháng 10 năm 2020. Tính từ đầu năm đến hết tháng 10 năm 2021, cả nước sản xuất được 222.961 chiếc ô tô, tăng 24,9% so với 10 tháng năm 2020.

Tiêu thụ xe tăng mạnh

Theo số liệu thống kê từ Hiệp hội các nhà sản

xuất ô tô Việt Nam (VAMA), trong tháng 10 năm 2021, số lượng xe bán ra của toàn thị trường ô tô Việt Nam ước đạt 13.537 chiếc, tăng 52,4% so với tháng trước và giảm 50,3% so với tháng 10 năm 2020. Trong đó, số lượng xe du lịch đạt 8.347 chiếc, tăng 34% so với tháng trước; xe thương mại đạt 4.886 chiếc, giảm 108% và tiêu thụ xe chuyên dụng đạt 304 chiếc, giảm 2% so với tháng trước. Tổng 10 tháng năm 2021, số lượng xe bán ra của toàn thị trường ước đạt 209.606 chiếc, tăng 5,2% so với 10 tháng năm 2020.

Kéo dài thời gian miễn thuế linh kiện ô tô nhập khẩu đến hết năm 2027

Ngày 15/11/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2021.

Đáng chú ý, Chính phủ quyết định kéo dài thời gian thực hiện Chương trình ưu đãi thuế đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31/12/2027, để tiếp tục khuyến khích các DN đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, thúc đẩy phát triển ngành CNHT ô tô trong nước.

Trong đó, Nghị định số 101 sửa đổi, bổ sung quy định về kỳ xét ưu đãi thuế. DN được lựa chọn kỳ xét ưu đãi thuế 6 tháng hoặc 12 tháng. Đồng thời, điều chỉnh giảm về sản lượng để

tham gia chương trình ưu đãi thuế cho phù hợp với bối cảnh mới.

Bảng 14: Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô sử dụng nhiên liệu xăng, dầu trong nước kéo dài đến hết năm 2027

Nhóm xe	Năm 2021		Từ năm 2022 đến năm 2027		
	Kỳ xét ưu đãi thuế 06 tháng	Kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng	Kỳ xét ưu đãi thuế 06 tháng	Kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng	
	Từ ngày 01/7 đến ngày 31/12	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6	Từ ngày 01/7 đến ngày 31/12	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
I. Xe chở người từ 09 chỗ trở xuống, dung tích xi lanh từ 2.500cc trở xuống					
1. Sản lượng chung tối thiểu	6500	18000	11500	11500	23000
2. Sản lượng riêng tối thiểu cho 01 mẫu xe	2600	7100	4500	4500	9000
II. Xe tải có tổng khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 05 tấn					
1. Sản lượng chung tối thiểu	2050	5550	3500	3500	7000
2. Sản lượng riêng tối thiểu cho 01 mẫu xe hoặc tổng sản lượng riêng tối thiểu cho 02 mẫu xe	1170	3170	2000	2000	4000

Theo quy định, giai đoạn từ 2022- 2027, sản lượng lần lượt cho kỳ xét ưu đãi 6 tháng sẽ là 11.500 xe và với kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng là 23.000 chiếc với các loại xe xăng. Trong khi đó,

Bảng 13: Tình hình sản xuất và kinh doanh một hàng ô tô và linh kiện phụ tùng 10 tháng năm 2021

Chủng loại	Ước 10 Tháng/2021		10T/2021 so 10T/2020	
	Lượng (chiếc)	Trị giá (triệu usd)	Lượng (%)	Trị giá (%)
1. Nhập khẩu ô tô các loại và linh kiện phụ tùng				
1.1 Ô tô nguyên chiếc các loại	127.086	2.829	71,5	71,3
Ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	86.993	1.574	58,7	54,5
Ô tô trên 9 chỗ ngồi	231	7	60,0	168,3
Ô tô vận tải	28.797	693	97,7	82,3
1.2 Linh kiện phụ tùng		4.070		37,6
2. Xuất khẩu linh kiện phụ tùng		5.462		26,3
3. Sản xuất và tiêu thụ ô tô				
3.1 Sản xuất	222.961		24,9	
3.2 Tiêu thụ	209.606		5,2	
Xe lắp ráp trong nước	118.309		-6,9	
Xe nhập khẩu	87.963		21,7	

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan và VAMA

sản lượng riêng mỗi mẫu xe phải đạt là 9.000 xe cho kỳ ưu đãi 12 tháng.

Đối với xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu, xe Hybrid, xe ô tô sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, xe sử dụng khí thiên nhiên, yêu cầu sản lượng thấp hơn rất nhiều. Theo đó, với kỳ xét ưu đãi thuế 6 tháng yêu cầu sản lượng tối thiểu là 125 xe với kỳ xét ưu đãi 6 tháng và 250 xe với kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng.

Bảng 15: Sản lượng tối thiểu DN sản xuất xe chạy bằng điện; xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu phải đáp ứng

Nhóm xe	Năm 2021		Từ năm 2022 đến năm 2027			
	Kỳ xét ưu đãi thuế 06 tháng		Kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng		Kỳ xét ưu đãi thuế 06 tháng	
	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6	Từ ngày 01/7 đến ngày 31/12	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/6	Từ ngày 01/7 đến ngày 31/12	Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
Sản lượng tối thiểu đối với từng nhóm xe: xe chở người từ 9 chỗ trở xuống; xe tải; xe Minibuyt; xe buýt/xe khách	125	125	250	125	125	250

Theo quy định hiện hành, Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô được áp dụng kể từ ngày 16/11/2017 đến ngày 31/12/2022. Theo đó, với linh kiện ô tô buộc phải nhập khẩu sẽ được ưu đãi thuế 0% khi DN đáp ứng đủ một số điều kiện như sản lượng xe sản xuất, lắp ráp tối thiểu... DN đã đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế theo quy định hiện hành không cần phải đăng ký lại. Đây là chương trình lần đầu được áp dụng ở Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế.

Sau 4 năm thực hiện chương trình ưu đãi thuế 0% đối với linh kiện DN trong nước chưa sản xuất được, buộc phải nhập khẩu khi đủ điều kiện, cả nước có 9 DN đáp ứng được các tiêu chí về quy mô, năng lực để tham gia chương trình.

Nhiều DN tiếp tục đầu tư trở lại để sản xuất, lắp ráp một số dòng xe mà trước đó dừng sản xuất tại Việt Nam. Một số DN đầu tư thêm trang thiết bị để tăng công suất và năng lực sản xuất để cung cấp các sản phẩm cho thị trường trong nước.

Bộ Tài chính đánh giá, việc triển khai Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô trong nước thúc đẩy các DN sản xuất, lắp ráp ô

tô đầu tư mở rộng sản xuất, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa và phát triển ngành CNHT trong nước.

Cụ thể, Công ty Thaco đầu tư nhà máy mới sản xuất xe ô tô cao cấp trị giá 4.000 tỷ được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mới năm 2021. Công ty Vinfast đầu tư tổ hợp nhà máy sản xuất, lắp ráp tại Hải Phòng, rộng 335 ha với tổng vốn đầu tư đạt 3,5 tỷ USD, tạo việc làm cho hơn 3.600 lao động năm 2020. Công ty Thành Công đầu tư thêm một nhà máy tại Ninh Bình, công suất sản xuất 100.000 xe/năm...

Việc triển khai Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô quy định tại các Nghị định từ năm 2018 đến nay góp phần quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô trong nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế cho rằng, các DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của ô tô nhập khẩu trong bối cảnh cắt giảm hàng rào thuế quan theo các Hiệp định FTA.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch Covid- 19, nhiều lĩnh vực phải ngừng hoạt động trong thời gian dài, trong đó lĩnh vực vận tải, vận chuyển hành khách công cộng gần như đình trệ cùng với thu nhập của người dân giảm sút làm cho doanh số bán ra của các DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước sụt giảm mạnh, nhất là dòng xe ô tô buýt, minibuyt và xe khách.

Vì vậy, Bộ Công Thương, các DN sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước và Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) kiến nghị Chính phủ tiếp tục kéo dài Chương trình ưu đãi thuế cho giai đoạn sau năm 2022 ▣

Khuyến khích đầu tư công nghệ dệt, nhuộm

Bộ Công Thương đang xây dựng Chiến lược phát triển ngành dệt may, da giày đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035, trong đó có những cơ chế khuyến khích DN đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất dệt, nhuộm hoàn tất.

Trong giai đoạn vừa qua, ngành dệt may Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc. Kim ngạch xuất khẩu của dệt may Việt Nam năm 2016 đứng thứ 4 thế giới, sau Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ, đến năm 2020 đã vượt lên đứng thứ 2 thế giới chỉ sau Trung Quốc. Điều này cho thấy nỗ lực rất lớn của các DN dệt may Việt Nam, ngay trong đại dịch, vẫn vượt qua khó khăn, duy trì hoạt động sản xuất, xuất khẩu.

Để đáp ứng sản xuất ngành may với kim ngạch xuất khẩu lớn như vậy, cần có ngành CNHT phát triển tương xứng với nguồn nguyên phụ liệu đủ lớn, đa dạng, phong phú, đây là một mục tiêu quan trọng của ngành dệt may.

Tuy nhiên, trình độ công nghệ, thiết bị ngành dệt, nhuộm hoàn tất của Việt Nam chưa phát triển. Nguồn cung vải của chúng ta còn nhiều hạn chế cả về số lượng và chất lượng, mẫu mã. Chính vì vậy, Việt Nam vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Đối với vải, năm 2020 Việt Nam phải nhập khẩu 11,8 tỷ USD, 8 tháng đầu năm 2021 nhập khẩu 9,5 tỷ USD. Phân ngành dệt, nhuộm hoàn tất đang là “vùng trung” với trình độ công nghệ sản xuất thấp, đây là một trong những nguyên nhân khiến dệt may Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu.

Nếu trình độ công nghệ dệt, nhuộm hoàn tất không sớm được cải thiện, chúng ta vẫn phải nhập khẩu lượng lớn nguyên phụ liệu, thì việc phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài là không tránh khỏi, kéo theo khó khăn trong việc đáp ứng tiến độ đơn hàng. Cùng với đó, ngành dệt may Việt Nam còn gặp nhiều thách thức trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ quy định tại các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương với xuất xứ từ sợi trở đi, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU với xuất xứ từ vải trở đi. Nếu nhập khẩu từ các nước ngoại khối thì Việt Nam chưa khai thác được hết lợi thế ưu đãi thuế quan do các hiệp định thương mại tự do mang lại.

Đổi mới công nghệ là điều thực sự cần thiết trong quá trình phát triển ngành dệt may Việt Nam. Dự thảo Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 đã đề ra một số định hướng như sau:

Phát triển ngành dệt may, da giày theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa; tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh chuyển từ gia công sản xuất sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu trên cơ sở công nghệ phù hợp đến hiện đại gắn với hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động và bảo vệ môi trường theo chuẩn mực quốc tế. Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và phát triển các sản phẩm dệt may, da giày đạt chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn, thân thiện môi trường.

Riêng về đổi mới khoa học, công nghệ, dự thảo chiến lược đưa ra các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho DN đầu tư nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Tăng cường đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ. Đầu tư xây dựng các cơ sở phân tích, kiểm tra chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các nước nhập khẩu. Tăng cường năng lực nghiên cứu cho các viện nghiên cứu, các trung tâm, phòng thí nghiệm chuyên ngành để có đủ năng lực nghiên cứu, kiểm tra chất lượng sản phẩm được quốc tế công nhận, trong đó chú trọng đến các chỉ tiêu an toàn và sinh thái trong lĩnh vực dệt may, da giày.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0 trong quá trình sản xuất, quản trị DN. Thúc đẩy các DN tiếp cận và đạt các chứng chỉ về tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của các thị trường mục tiêu...

Giai đoạn vừa qua, các DN dệt may Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, nhất là trong ngành sợi giúp cho tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Đối với lĩnh vực dệt, nhuộm hoàn tất trong thời gian tới cần các DN tiến hành các bước xử lý nước thải, chất thải theo đúng quy trình, đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường. Đây là điều rất cần thiết để đảm bảo phát triển bền vững ngành dệt may và tạo niềm tin cho khách

hàng. Đồng thời với việc cải tiến công nghệ và đầu tư thiết bị mới, khâu đào tạo, chuyển giao công nghệ cho cán bộ quản lý, cán bộ công nghệ, cán bộ kỹ thuật cũng là điều kiện cần để chủ động khai thác có hiệu quả các thiết bị đầu tư.

Bên cạnh đó, còn rất cần các địa phương tạo điều kiện thu hút và khuyến khích dự án dệt, nhuộm hoàn tất để các nhà đầu tư có cơ hội tìm được địa điểm đầu tư phù hợp, giúp cho ngành dệt may có thêm nhiều các dự án sản xuất nguyên phụ liệu, phát triển khâu thượng nguồn và có thể tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do đã ký kết ■

Hà Nội kích hoạt làn sóng đầu tư vào ngành CNHT

Thời gian qua, các DN lĩnh vực CNHT trên địa bàn Hà Nội đã cố gắng khắc phục khó khăn do dịch Covid- 19, nhanh chóng bắt tay vào phục hồi sản xuất, kinh doanh. Thành phố sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy, gia tăng số lượng DN trong lĩnh vực này và nâng cao năng lực cung ứng, tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Ngay sau khi thành phố Hà Nội trở lại trạng thái bình thường mới, Công ty cổ phần Công nghiệp phụ trợ TOMEKO đã ký kết hợp đồng thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất công nghiệp phụ trợ công nghệ cao tại Khu CNHT Nam Hà Nội (HANSSIP). Dự kiến, nhà máy sẽ bắt đầu hoạt động từ năm 2022, chế tạo và cung cấp các sản phẩm theo đơn đặt hàng của đối tác trong lĩnh vực cơ khí chính xác, các linh kiện, phụ kiện quẹt công nghiệp, sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu cho các tập đoàn đa quốc gia. Nhiều năm nay, DN này đã tham gia vào nhiều chuỗi cung ứng toàn cầu như cung cấp sản phẩm CNHT cho Tập đoàn General Electric- GE (Hoa Kỳ), Công ty Greens Combustion (Anh)...

Đây là một tín hiệu vui sau thời gian DN ngành CNHT Hà Nội phải chịu nhiều ảnh hưởng bởi dịch Covid- 19. Theo khảo sát của Hiệp hội DN ngành CNHT TP Hà Nội (HANSIBA), gần 90%

số DN thuộc Hiệp hội đã bị giảm doanh số; 50% số DN phải hoạt động cầm chừng và một số DN đã phải chuyển hướng sản xuất. HANSIBA cho biết, hiện tượng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu đã xuất hiện, ảnh hưởng trực tiếp đến các DN CNHT tham gia chuỗi sản xuất cung ứng cho các tập đoàn, tổng công ty đa quốc gia như Samsung, Canon, Toyota, Ford, hay DN cung ứng cấp 1 cho các chuỗi này như Foxconn... Dịch bệnh cũng ảnh hưởng đến tiến độ, quá trình triển khai và phát triển các nhà máy, xí nghiệp, những dự án mới của DN. Tại Khu CNHT Nam Hà Nội có khá nhiều các DN CNHT của Hà Nội quan tâm đăng ký thuê đất để lập nhà máy, nhưng do dịch bệnh mà các chuyên gia nước ngoài, các đối tác liên doanh không sang được Hà Nội để cùng triển khai, khiến DN mất đi cơ hội thu hút và sản xuất đáp ứng các đơn hàng quốc tế mới.

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng các DN CNHT trên địa bàn Hà Nội đã chủ động chuyển đổi mô hình, thay đổi chiến lược, ứng phó linh hoạt, đồng thời cũng nhanh chóng phục hồi khi tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Nhiều DN như Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hikari Việt Nam, Công ty cổ phần sản xuất và phát triển công nghiệp Việt Nhật (INDEMA)... đã chuyển hướng sản xuất các sản phẩm thiết bị y tế hoặc tham gia vào chuỗi sản xuất thiết bị y tế cho các tập đoàn, DN lớn. Nhiều DN cũng mạnh dạn chuyển đổi số, liên kết với các đối tác đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất và năng lực thiết bị cho DN. Đồng thời, tìm kiếm những khoản vốn vay ưu đãi để mua sắm máy móc thiết bị, đầu tư dự án nhà máy mới, tăng cường sản xuất đón đầu nhu cầu thị trường dự báo sẽ tăng trưởng trong thời gian tới.

Trong những năm gần đây, thành phố Hà Nội đã có sự quan tâm và ngày càng khẳng định tầm quan trọng của ngành CNHT trong việc cung cấp linh kiện, phụ tùng, vật liệu... cho các ngành công nghiệp, lĩnh vực sản xuất khác. Năm 2021, kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển CNHT thành phố Hà Nội đặt mục tiêu có khoảng 900 DN hoạt động trong các lĩnh vực này trên địa bàn Thủ đô. Trong đó, khoảng 300 DN có hệ thống sản xuất và sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, đủ năng lực cung ứng tham gia vào

Sáng chế loại vải có thể tương tác với chuyển động của người mặc

Một nhóm các nhà nghiên cứu của Thụy Điển đã tạo ra những sợi thông minh có thể cảm nhận và phản hồi lại chuyển động của người mặc, có tên gọi là OmniFiber. Loại vải robot mềm có một kênh rỗng ở giữa cho phép môi trường đàn hồi đi qua. Với sự trợ giúp của khí nén, các sợi có thể uốn cong, kéo giãn, nhả và tạo xung theo yêu cầu. Đây là thứ cho phép họ cung cấp phản hồi xúc giác theo thời gian thực, đưa họ đến gần cơ nhân tạo hơn.



Sợi cơ nhân tạo không phải là một ý tưởng mới. Tuy nhiên, điều khiến OmniFiber trở nên khác biệt là nó không cần nhiệt để thay đổi hình dạng. Điều này làm cho nó trở nên thực tế hơn ngay

lập tức vì da quá nóng không phải là vấn đề. Nó cũng có những lợi thế khác. Vải có thể được làm bằng vật liệu tương đối rẻ tiền và sợi không đòi hỏi quá trình dệt tinh vi.

Nhóm nghiên cứu hình dung chất liệu vải của họ trở thành quần áo có thể giúp dạy các vận động viên và ca sĩ cách kiểm soát nhịp thở của họ tốt hơn. Một ứng dụng thú vị khác có thể thấy quần áo OmniFiber giúp ai đó khôi phục lại kiểu thở bình thường sau một bệnh hô hấp như Covid-19.

Có thể còn một thời gian nữa chúng ta mới thấy OmniFiber tiến vào thế giới thực, nhưng điều đó không có nghĩa là dự án đã kết thúc. MIT đang lên kế hoạch tiếp tục nghiên cứu để phát triển một hệ thống sản xuất cho phép tạo ra các sợi dài hơn ■

Công nghệ chuyển đổi các sợi xơ vải thành năng lượng

Sợi xơ nhỏ được phân loại là vi nhựa, chúng được tạo ra trong quá trình làm khô quần áo và chủ yếu bao gồm bông, polyester và lignin. Trong khi các đồ nhựa có kích thước lớn có thể được phân loại và tái chế tương đối dễ dàng, điều này lại không áp dụng được với vi nhựa - những mảnh nhựa nhỏ có đường kính dưới 5 mm.

▶ mạng lưới sản xuất toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam. Chỉ số phát triển công nghiệp lĩnh vực CNHT hằng năm tăng hơn 11%.

Sở Công Thương Hà Nội cho biết, thành phố Hà Nội sẽ đẩy nhanh tốc độ phát triển các ngành CNHT thông qua việc nâng cao năng lực của DN sản xuất sản phẩm CNHT, tập trung phát triển ba lĩnh vực chủ chốt là: sản xuất linh kiện phụ tùng, CNHT phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao và CNHT cho ngành dệt may - da giày. Thu hút đầu tư từ mọi thành phần kinh tế vào lĩnh vực CNHT nhằm gia tăng số lượng và chất lượng DN hoạt động trong lĩnh vực này. Đồng thời, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp

theo chuỗi giá trị toàn cầu, đẩy mạnh liên kết cung ứng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Các sở, ngành, hiệp hội, đơn vị liên quan cũng đang nỗ lực hỗ trợ DN áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị DN, quản trị sản xuất; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu... Nhiều chương trình kết nối đã được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho DN trở thành nhà cung ứng trực tiếp cho các đơn vị sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu ■



Các chuyên gia cảnh báo một lượng lớn vi nhựa đã bị trôi đi xuống ống thoát nước và xâm nhập vào biển, đe dọa nghiêm trọng đến môi trường. Tuy nhiên, nhờ có các nhà khoa học từ Đại học Công nghệ Kaunas, Litva và Viện Năng lượng Litva, đã phát triển một công nghệ mới thân thiện với môi trường sản xuất năng lượng từ chất thải dệt may. Công nghệ này chiết xuất các sản phẩm năng lượng từ chất thải dệt may.

Trong thí nghiệm, các sợi xơ lint thu được từ bộ lọc của máy sấy trong ký túc xá KTU đã được thu lại. Do những người sống từ các ký túc xá đến từ các nền văn hóa khác nhau ở châu Âu, châu Phi, châu Á và châu Mỹ nên các mẫu thu thập được rất đa dạng về chủng loại.

Bằng cách sử dụng một nhà máy nhiệt phân thí điểm, các nhà khoa học đã chiết xuất thành công ba thành phẩm năng lượng từ chất thải dệt bao gồm dầu, khí đốt và than đá. Sau đó, họ phân hủy nhiệt vi sợi xơ vải thành các sản phẩm năng lượng. Kết quả đáng ngạc nhiên là chúng có tỷ lệ chuyển đổi khoảng 70%. Các vi sợi xơ vải được sản xuất bởi 1 triệu người, có thể chuyển đổi sản xuất gần 14 tấn dầu, 21,5 tấn khí và gần 10 tấn than.

Cùng với nhà máy nhiệt phân thí điểm, các nhà khoa học cũng tạo ra một mô hình toán học để đánh giá hiệu quả kinh tế và môi trường của chiến lược đề xuất. Mô hình tiết lộ rằng năng lượng từ sợi nhỏ xơ vải được tạo ra bởi 1 triệu người có lợi nhuận ước tính khoảng 100 nghìn euro và giảm lượng khí thải tương đương với 42.039.000kg CO₂/tấn sợi nhỏ xơ vải. Các nhà khoa học lưu ý, nếu được áp dụng trên quy mô

công nghiệp, chiến lược này sẽ đem lại lợi nhuận và thân thiện với môi trường ▣

Xu hướng tái chế phụ tùng ô tô trên thế giới

Đối mặt với áp lực giảm lượng lớn khí thải carbon gây hiệu ứng nhà kính, các nhà sản xuất ô tô trên thế giới đang chuyển hướng đầu tư vào cơ sở hạ tầng để tận dụng phụ tùng cũ, tái chế hàng triệu pin xe điện để sử dụng trong tương lai.

Hãng xe Volvo triển khai hoạt động tái sử dụng và tái sản xuất phụ tùng theo quy mô lớn. Quy trình của Volvo có tên Nguyên tắc kinh doanh tuần hoàn, bao gồm việc tái chế các vật liệu quan trọng như thép và nhôm, tái sản xuất các thành phần phức tạp như hộp số và cải tạo các bộ phận riêng lẻ. Trong năm ngoái, Volvo đã tái sản xuất khoảng 40.000 đơn vị phụ tùng, giảm phát thải 3.000 tấn CO₂ và tái chế 95% chất thải sản xuất (bao gồm 176.000 tấn thép) để giảm 640.000 tấn CO₂ ra môi trường. Tập đoàn ô tô đa quốc gia của Anh Jaguar Land Rover cũng có một dự án tái chế nhôm từ các xe phế liệu, qua đó có thể cắt giảm 26% lượng khí thải CO₂ trong quá trình sản xuất.

Hãng BMW ở Lohhof (Đức) tận dụng tối đa phụ tùng và vật liệu của xe cũ. Quá trình tái chế bắt đầu bằng việc đảm bảo an toàn cho xe trước khi bóc tách các bộ phận và linh kiện của chúng. BMW có cả quy trình hóa lỏng lốp thành cao su lỏng. Những linh kiện nào còn tốt sẽ được giữ lại, lưu kho và đánh dấu. Khung xe sau đó được đưa tới máy ép để ép thành một khối kim loại. Phần rác thải sẽ được thu gom và đưa tới khu vực tập kết riêng.

Công ty Indra, một liên doanh giữa nhà sản xuất ô tô Renault và Tập đoàn tiện ích Suez, tháo dỡ 5.000 ô tô mỗi năm để lấy phụ tùng. Công nhân xử lý bình nhiên liệu và tháo rời các bộ phận như động cơ, lốp xe, bảng điều khiển, gương chiếu hậu và các bộ phận khác của một chiếc xe trong vòng 2 giờ. Quy trình công nghiệp của Công ty Indra đã được đưa sang Bỉ, Bồ Đào Nha và Thụy Sĩ. Các bộ phận đã tháo dỡ của ô tô có thể được

Bông tái chế có thể giúp ngành may mặc Bangladesh tiết kiệm 500 triệu USD mỗi năm

Ngành công nghiệp may mặc của Bangladesh, nước xuất khẩu quần áo lớn thứ hai thế giới, có thể giảm chi tiêu hàng năm 500 triệu USD nếu nước này tái chế chất thải bông từ các nhà máy và xưởng sản xuất vải.

Theo Hiệp hội Thời trang CFP, trong năm 2019, quốc gia Nam Á này đã nhập khẩu khoảng 1,6 triệu tấn bông, trị giá 3,5 tỷ USD, trong khi sản xuất 250.000 tấn chất thải bông có thể được tái chế. Phế liệu từ bông nguyên chất 100% bao gồm cành giâm và sợi từ cuối suốt chỉ, nếu tái chế có thể giảm 15% chi phí nhập khẩu, tiết kiệm khoảng 500 triệu USD mỗi năm. Những phát hiện này chứng minh rằng một hệ thống thời trang khép kín không chỉ mang lại lợi ích về môi trường mà còn về tài chính cho một quốc gia.

Hiện tại, những người thu gom phế liệu tại địa phương có xu hướng sử dụng phế liệu bông làm chất liệu độn cho đệm hoặc xuất khẩu sang các nước khác để tái chế. Các nhà sản xuất cũng sử dụng bông để làm năng lượng đốt. Nhưng việc kiểm soát và truy xuất chất thải vẫn chưa thực sự tốt.

Năm 2018, lượng phát thải khí nhà kính của ngành thời trang toàn cầu là khoảng 2 tỷ tấn, con số này cần phải giảm một nửa vào năm 2030, để phù hợp với các mục tiêu khí hậu toàn cầu.

Theo nghiên cứu năm 2020 của GFA và công ty tư vấn McKinsey & Company, ngành công nghiệp thời trang chiếm 4% lượng khí thải toàn cầu, bằng tổng lượng hàng năm của Pháp, Đức và Anh cộng lại.

Theo Hiệp định khí hậu Paris năm 2015, gần 200 quốc gia đã đồng ý cắt giảm lượng khí thải vào giữa thế kỷ này và hạn chế mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu ở mức "thấp hơn" 2 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp.

Lượng khí thải carbon của Bangladesh là tối thiểu so với các nước phát triển, nhưng nền kinh tế của nước này phụ thuộc nhiều vào ngành công nghiệp may mặc, chiếm 80% kim ngạch xuất khẩu với hơn 4 triệu lao động.

Ra mắt vào tháng 2, CFP tập hợp các thương hiệu quần áo, nhà tái chế và nhà sản xuất để xác định các cách thức mà ngành công nghiệp may mặc ở Bangladesh có thể chuyển đổi sang một hệ thống bền vững hơn. Next, Primark và Benetton là một trong những thương hiệu thời trang mới nhất tham gia vào dự án này, trước

▶ bán cho các cửa hàng sửa chữa hoặc người tiêu dùng. Phần còn lại được tiêu hủy hoặc tái chế để sử dụng trong các lĩnh vực khác.

Ngoài tái chế phụ tùng, các hãng sản xuất ô tô còn chú ý đến việc tái chế pin xe điện. Theo các đánh giá môi trường, việc tái chế pin có thể có tác động đáng kể đến nỗ lực bảo vệ môi trường, ví dụ như có thể giảm 25% nhu cầu đối với lithium, 35% đối với cobalt, 55% nikel và đồng vào năm 2040. Cha đẻ của pin lithium-ion Akira Yoshino, nhà khoa học được trao giải Nobel Hóa học năm 2019, khẳng định, tái chế pin là nhiệm vụ tiếp theo của ngành công nghiệp xe điện. Ở thời điểm hiện tại, các hãng xe đang hướng tới việc tái chế tới hơn 90% nguyên liệu cấu thành pin. Sau khi xả hết năng lượng, pin hỏng được nghiền nát và sử dụng những phương pháp đặc

biệt để tách lithium, cobalt, mangan, nikel thành nguyên liệu thô.

Trung Quốc đang đi đầu nỗ lực tái chế pin, với việc nhà sản xuất pin CATL gần đây công bố xây dựng một nhà máy tái chế trị giá 32 tỷ NDT (5 tỷ USD) ở tỉnh Hồ Bắc. Công ty khởi nghiệp Thụy Điển Northvolt- đối tác của Volkswagen và BMW- có kế hoạch khai trương vào năm tới một nhà máy có khả năng tái chế 25.000 tấn pin/năm. Tập đoàn hạt nhân khổng lồ Orano của Pháp đang khởi động dự án áp dụng các kỹ thuật chiết xuất uranium để tái chế pin. Hãng xe Tesla của Mỹ tuyên bố 100% pin dùng trong xe điện của hãng là loại có thể tái chế và đang lên kế hoạch thiết lập cơ sở tái chế tại Thượng Hải, giúp giảm thiểu một lượng lớn chất gây ô nhiễm và thuế môi trường ■

đó là các nhà bán lẻ lớn như H&M và C&A. Bangladesh được đánh giá là nước có khả năng sản xuất chất thải dệt có thể tái chế nhiều nhất hơn hẳn bất kỳ quốc gia sản xuất hàng may mặc nào.

Faruque Hassan, chủ tịch Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc Bangladesh, cho biết các nhà máy đều ủng hộ cao với nền kinh tế bền vững, nhưng khuyến cáo thận trọng cho đến khi những tác động tiềm tàng đối với các nhà sản xuất ▣

Ấn Độ khuyến khích phát triển dệt may kỹ thuật

Ngày 9/9/2021, Ấn Độ phê duyệt đề án Khuyến khích Liên kết Sản xuất (Production Linked Incentive Scheme- PLI) cho Hàng may mặc MMF, Vải MMF và 10 phân khúc/ sản phẩm Dệt may kỹ thuật.

Đề án PLI cho Dệt may sẽ thúc đẩy sản xuất vải, xơ sợi nhân tạo (MMF), hàng may mặc và hàng dệt kỹ thuật có giá trị cao trong nước. Theo đó, khuyến khích ngành công nghiệp đầu tư vào các công suất mới trong các phân khúc này. Điều này sẽ tạo ra một động lực lớn cho phân khúc MMF giá trị cao đang phát triển, sẽ bổ sung cho nỗ lực của ngành dệt bông và sợi tự nhiên khác trong việc tạo ra các cơ hội mới về việc làm và thương mại, giúp Ấn Độ lấy lại vị thế thống trị trong lịch sử thương mại hàng dệt may toàn cầu.

Phân khúc Dệt may kỹ thuật là một ngành dệt mới, được sử dụng trong một số lĩnh vực kinh tế, bao gồm cơ sở hạ tầng, nước, y tế và vệ sinh, quốc phòng, an ninh, ô tô, hàng không... sẽ nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế đó. Trước đây, Chính phủ cũng đã thành lập Phái đoàn Dệt may Kỹ thuật Quốc gia để thúc đẩy các nỗ lực nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực này. PLI sẽ hỗ trợ nhiều hơn nữa trong việc thu hút đầu tư vào phân khúc này.

Có hai hình thức đầu tư với các cơ cấu khuyến khích khác nhau. Bất kỳ người nào, (bao gồm cả DN/công ty) sẵn sàng đầu tư tối thiểu 300 Crore Rupis (khoảng 41 triệu USD) vào nhà máy, máy

móc, thiết bị và công trình dân dụng (không bao gồm đất đai và chi phí xây dựng hành chính) để sản xuất các sản phẩm thuộc các phân khúc vải MMF, hàng may mặc và các sản phẩm kỹ thuật hàng dệt may, sẽ đủ điều kiện để đăng ký tham gia vào phần đầu tiên của chương trình. Trong phần thứ hai, bất kỳ đối tượng (bao gồm cả DN/công ty) sẵn sàng đầu tư tối thiểu 100 Crore Rupis (khoảng 13,6 triệu USD) sẽ đủ điều kiện đăng ký tham gia vào phần này của chương trình. Ngoài ra, sẽ ưu tiên đầu tư cho các huyện vùng xa, thị trấn loại 3, loại 4, khu vực nông thôn để khuyến khích chuyển dịch về các khu vực lạc hậu. Kế hoạch này sẽ tác động tích cực, đặc biệt là các bang như Gujarat, UP, Maharashtra, Tamil Nadu, Punjab, AP, Telangana, Odisha...

Ước tính trong khoảng thời gian 5 năm, Đề án PLI cho Dệt may sẽ dẫn đến đầu tư mới hơn 19.000 crore Rupis (khoảng 2,6 tỷ USD), doanh thu tích lũy trên 3 nghìn tỷ Rupis (khoảng 41 tỷ USD) và sẽ tạo thêm hơn 750 nghìn việc làm trong lĩnh vực này và việc làm cho các hoạt động hỗ trợ. Ngành dệt may chủ yếu sử dụng lao động nữ nên chương trình được kỳ vọng sẽ tăng cơ hội cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động kinh tế ▣

Samsung sẽ tăng 3 lần công suất xưởng đúc chip

Nhu cầu chip bán dẫn không ngừng gia tăng trên thế giới

Samsung Electronics vừa thông báo có kế hoạch tăng công suất xưởng đúc lên gấp 3 lần vào năm 2026. Đây là động thái mới của tập đoàn Hàn Quốc để đối phó với tình trạng thiếu hụt chip trầm trọng trên toàn cầu, tác động tiêu cực đến nhiều ngành công nghiệp chủ chốt, từ ô tô đến smartphone.

Samsung Electronics là nhà sản xuất chip lớn nhất thế giới về doanh số. Công ty sẽ mở rộng dây chuyền sản xuất ở Pyeongtaek, phía Nam thủ đô Seoul. Đồng thời, Samsung có thể xây dựng 1 nhà máy mới ở Hoa Kỳ, để đáp ứng nhu cầu chip ngày càng tăng trên thế giới.

Samsung hiện xếp thứ 2 với thị phần chỉ là 17%, cách khá xa nhà sản xuất số 1-TSMC (chiếm 53% thị phần chip toàn cầu). Nhà sản xuất chip đứng thứ 3 thế giới là GlobalFoundries (Hoa Kỳ) với thị phần 6%.

Intel- nhà sản xuất chip đến từ Hoa Kỳ cũng lên kế hoạch gia công chip theo hợp đồng cho các công ty đến từ Hoa Kỳ và châu Âu nhằm đáp ứng nhu cầu bán dẫn ngày càng tăng trên toàn cầu.

Samsung khẳng định tập đoàn sẽ sản xuất chip tiến trình 3nm đầu tiên cho khách hàng vào nửa đầu năm 2022, trong khi thế hệ 3nm thứ 2 dự kiến được giới thiệu trong năm 2023.

Trong thời gian gần đây, kết quả kinh doanh chip của Samsung cũng đón nhận nhiều tín hiệu khả quan. Số lượng khách hàng của hãng đang tăng mạnh, đạt hơn 100 trong năm 2021, cao hơn con số 35 đối tác hồi năm 2017. Theo dự đoán, đến năm 2026, Samsung mở rộng khách hàng của mảng chip lên khoảng 300.

Theo số liệu từ Công ty nghiên cứu TrendForce, doanh thu sản xuất chip trên toàn cầu dự kiến tăng 10% trong năm 2022, do giá bán tăng. TSMC mở màn bằng 1 đợt tăng giá bán, doanh thu sản xuất chip trong năm 2022 có thể sẽ đạt 118 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo báo cáo quý 3/2021, lợi nhuận ròng của Samsung là 12,3 nghìn tỷ won (tương đương 10,5 tỷ USD), tăng 31% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lợi nhuận hoạt động lên 15,8 nghìn tỷ won trong quý 3/2021, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo lĩnh vực, chip nhớ mang đến doanh thu cao nhất cho Samsung do nhu cầu cao với DRAM và NAND. Lĩnh vực di động cũng đóng góp phần không kém khi những smartphone gập mới nhất của Samsung là Galaxy Z Fold 3 và Galaxy Z Flip 3 ra mắt hồi tháng 8 đang có kết quả kinh doanh rất cao .



Nhà máy bán dẫn của Samsung ở Pyeongtaek

Spreadwell (Đài Loan) tìm đối tác OEM áo, váy cưới

Spreadwell (Đài Loan) là nhà cung ứng váy áo cưới chuyên nghiệp cho thị trường châu Âu. Hiện nay, do nhu cầu hợp tác Spreadwell (Đài Loan) mong muốn tìm đối tác Việt Nam sản xuất OEM các mẫu váy áo cưới theo thiết kế của Spreadwell để xuất khẩu. Dự kiến lượng hàng đặt cho mỗi tháng từ 500~1000 bộ váy áo và nguyên liệu sẽ do Spreadwell cung ứng.

Để thuận tiện cho Spreadwell, đối tác chỉ mong muốn hợp tác với các DN Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc lân cận. Chi tiết về hợp tác sẽ do hai bên trao đổi trực tiếp.

DN Việt Nam tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh hoặc lân cận có nhu cầu hợp tác với Spreadwell xin gửi thông tin giới thiệu về năng lực, kèm danh thiếp của cán bộ bán hàng cho Thương vụ theo phương thức sau:

Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc

Vietnam Economic Cultural Office in Taipei- Commercial Division

Add: 3F. - 1, No.101 Songjiang Road, Zhongshan District, Taipei 10486, Taiwan.



+886 -2- 25036840



+886 -2- 25036842



tw@moit.gov.vn

DN tại Osaka, Nhật Bản muốn tìm đối tác Việt Nam sản xuất gương báo (signboard)

DN tại Osaka hiện đang có nhu cầu tìm đối tác Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất linh phụ tùng, bộ phận cơ khí có thể sản xuất, cung ứng các dạng gương báo (signboard) để đặt hàng.

Các công ty Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thích hợp và có nhu cầu kết nối vui lòng liên hệ và gửi thông tin đăng ký theo đường link sau:

<https://docs.google.com/forms/d/1pspfOYJSQwAY6HB6C4bm46Pg3rt1UOHG4SFgLPd-CIMQ/edit>

Chi nhánh Thương vụ VN tại Osaka, Nhật Bản



viettradeosaka@gmail.com;

quyenhabct@gmail.com; van.moit.jp@gmail.com

Công ty Croatia có nhu cầu nhập khẩu các loại ống nhôm, thép, đồng...

Công ty Arkada Interijeri D.O.O. Croatia có nhu cầu nhập khẩu các loại tấm/thỏi/ống nhôm, thép, đồng...

(Metal and non ferrous metal products like copper, aluminum and steel tubes/pipes and refrigeration parts, straight pipes, copper water tube, pe copper tube, capillary tubes and insulation tubes, copper flat tube, copper sheet, copper foils, aluminum tubes, aluminum foils, aluminum sheet, aluminum ingot; steel pipes, fittings, stainless steel pipes, fitting, copper wire rod)

DN Việt Nam quan tâm, tham khảo đường link sau để kết nối giao thương:

<https://www.go4worldbusiness.com/member/view/3419697/arkada-interijeri-d-o-o-.html>

Tình hình sản xuất một số sản phẩm CNHT tại các tỉnh, thành phố

Sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Ước tháng 10/2021	Tháng 9/2021	Tháng 10/2020
Linh kiện điện tử					
Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Bình Dương	Triệu đồng	602.259	596.357	643.411
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	431.039	431.039	350.128
	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	12.318	10.801	19.650
Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	15.492.741	15.370.173	13.590.149
	Bình Dương	Triệu đồng	264.238	251.330	313.361
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	217.405	153.567	523.627
Linh kiện ô tô					
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	TP. Hà Nội	Cái	2.798.341	2.765.881	2.648.638
	Đồng Nai	Cái	470.000	447.357	879.710
	Hoà Bình	Cái	300.000	210.004	451.909
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	TP. Hải Phòng	Chiếc	3.137	3.492	2.097
	Vĩnh Phúc	Chiếc	2.841	2.647	7.414
	Ninh Bình	Chiếc	2.360	3.146	3.859
Nguyên phụ liệu dệt may					
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cỏ ...	Quảng Ninh	Tấn	27.000	27.151	22.895
	Tây Ninh	Tấn	16.530	14.951	16.562
	Đồng Nai	Tấn	7.000	6.800	6.408
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	Nam Định	1000 m2	5.226	5.220	5.563
	Đồng Nai	1000 m2	2.801	2.484	2.106
	Hà Nam	1000 m2	920	882	869
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	Đồng Nai	1000 m2	20.243	16.173	27.210
	Quảng Ninh	1000 m2	9.560	8.904	7.910
	Phú Thọ	1000 m2	3.778	4.008	5.086
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	Đồng Nai	1000 m2	30.000	24.432	22.819
	Long An	1000 m2	10.759	10.354	18.136
	TP. Hồ Chí Minh	1000 m2	1.325	1.156	3.481
Sản phẩm dệt may					
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	TP. Hà Nội	1000 cái	6.922	5.895	6.153
	Hải Dương	1000 cái	5.226	5.446	6.177
	Đồng Nai	1000 cái	4.000	3.838	3.367
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	TP. Hồ Chí Minh	1000 cái	7.893	3.630	41.910
	Đồng Nai	1000 cái	6.580	6.534	7.978
	Phú Thọ	1000 cái	3.000	2.240	4.095
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	TP. Hà Nội	1000 cái	548	503	719
	Hưng Yên	1000 cái	300	250	1.028
	Bình Định	1000 cái	224	206	302
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Thừa Thiên Huế	1000 cái	38.580	37.417	33.697
	TP. Hải Phòng	1000 cái	14.344	13.040	5.901
	Bình Phước	1000 cái	4.000	3.950	3.929

Nguồn: Tính toán từ số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê và các cục Thống kê